TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: **03**/2019/QĐST-VDS	*Tuy Phong, ngày 26 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - BÌNH THUẬN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh
- Thư ký phiên họp: Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên họp:Ông Lư Ngọc Qúi, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy phong, mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 106/2019/TLST-VDS ngày 24/4/2019; về việc: "Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu", theo Quyết định mở phiên họp số: 04/2019/QĐST- VDS, ngày 23/5/2019 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2019/QĐST-VDS ngày 07/6/2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ông **Trần S** - sinh năm 1964

Đơn vị công tác: Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận

Địa chỉ: đường 17/4, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Văn phòng công Chứng Nguyễn Văn Th** (Tên cũ: Văn phòng công chứng T)

Địa chỉ trụ sở: số 02 đường 17/4 thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Công Th – Công chứng viên – Trưởng văn phòng công chứng

Ủy quyền cho: bà Trần Thị Ngọc Li – Nhân viên tiếp nhận hồ sơ văn phòng công chứng Nguyễn Công Th (có mặt)

2/ bà **Nguyễn Thị B** – sinh năm 1965

Địa chỉ: số nhà 343, thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bình Thuận (có mặt)

3/ ông **Đặng Ngọc Ch** – sinh năm 1989

Địa chỉ: số nhà 343, thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt)

4/ bà **Phạm Thị Ngọc D** – sinh năm 1958

Địa chỉ: số A, phường 11, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2016/QĐST-DS ngày 16/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong thì bà Nguyễn Thị B phải hoàn trả cho bà Phạm Thị Ngọc D số tiền 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng), lãi suất chậm thi hành án theo quy định và án phí.

Theo đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị Ngọc D trong đơn bà Dung có nêu tài sản của bà B có 01 xe tải ben, số loại Huyndai, biển số 72N-4308, số khung: D8AYP033660, số máy 19YPPU003224.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong ra Quyết định thi hành án số 1235/QĐ-CCTHA ngày 01/6/2016.

Ngày 06/6/2016 Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong đã tống đạt quyết định thi hành án số 1235/QĐ-CCTHA ngày 01/6/2016 cho bà Nguyễn Thị B.

Sau khi hết thời gian tự nguyện thi hành án bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 21/6/2016 Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong xác minh điều kiện thi hành án của bà B thì tài sản của bà gồm có: 01 chiếc xe ben số loại Huyndai, biển số 72N-4308, số khung: D8AYP033660, số máy 19YPPU003224 và 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 68,7 m^2 trên diện tích đất 204,63 m^2 tọa lạc tại số 343, thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Thời điểm này đất của bà Nguyễn Thị B và ông Đặng Văn C (đã chết) được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 040914 ngày 19/10/2010 nhưng bà B giấu thông tin không cung cấp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Ngày 01/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T có công văn số: 206/CV-CCTHA gửi Phòng Tài nguyên môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T và UBND xã V1 đề nghị cung cấp thông tin về diện tích đất của bà Nguyễn Thị B.

Ngày 08/9/2016 Phòng Tài nguyên môi trường huyện T cung cấp thông tin cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thì bà B đang quản lý và sử dụng căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất có diện tích 225,6 m^2 tọa lạc tại số 343, thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bình Thuận thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở ngày 29/6/2016 vị trí đất phù hợp với quy hoạch địa phương, đất đủ điều kiện chuyển nhượng.

Ngày 22/09/2016 bà B đã bán xe ben số loại Huyndai thi hành cho bà D số tiền là 120.000.000đ số tiền còn phải thi hành là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng)

Tháng 03/2018 qua kết quả xác minh hiện tài sản duy nhất của bà B là căn nhà số 343, thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bình Thuận bà B đã tặng cho ông Đặng Ngọc Ch con bà ngày 30/6/2016.

Ông Đặng Ngọc Ch đã rời khỏi địa phương vào Nha Trang sinh sống và làm việc sau khi bà B bán xe ben (tháng 09/2016), khi đi ông Ch không thông báo tạm trú

tạm vắng nên không rõ chỗ ở và nơi làm việc của ông Ch, căn nhà số 343 bà B quản lý và sử dụng từ đó đến nay.

Chấp hành viên thừa nhận là chậm trong quá trình hỏi thông tin về diện tích dất của bà B đang quản lý và làm văn bản ngăn chặn gửi các cơ quan có thẩm quyền nên bà B tặng cho tài sản cho ông Đặng Ngọc Ch.

Ngày 03/5/2018 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T có công văn số: 127/CV-CCTHA gửi các cơ quan có thẩm quyền tạm dừng chuyển nhượng tài sản nêu trên.

Ngày 07/5/2018 Chấp hành viên ra Thông báo số 131/TB-CCTHADS, thông báo cho bà Phạm Thị Ngọc D được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu bà D đã nhận thông báo nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà B và ông Đặng Ngọc Ch có dấu hiệu tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh việc thi hành án Căn cứ khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án dân sự 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), ông Trần S - Chấp hành viên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tuyên bố giao dịch dân sự tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 040914, số vào sổ cấp GCN: CH 00112, do UBND huyện T cấp ngày 19/10/2010) giữa bà Nguyễn Thị B và ông Đặng Ngọc Ch được công chứng số: 1638, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 30/6/2016 vô hiệu.

Ông Nguyễn Công Th - Công chứng viên, Trưởng Văn phòng công chứng Nguyễn Công Th có báo cáo số 14/BCVPCC, ngày 27/02/2019 gửi cho Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong: vào ngày 30/6/2016 Văn phòng công chứng T (cũ) nay là Văn phòng công chứng Nguyễn Công Th đã thực hiện công chứng hợp đồng tặng cho giữa bà Nguyễn Thị B và ông Đặng Ngọc Ch quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 040914, số vào sổ cấp GCN: CH 00112, do UBND huyện T cấp ngày 19/10/2010) công chứng số: 1638, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGĐ, tại thời điểm này văn phòng đã kiểm tra đối tượng chuyển nhượng không thấy bị cấm giao dịch chuyển nhượng, cũng như không có văn bản nào của các cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn việc chuyển nhượng. Công chứng viên đã thực hiện công chứng đúng trình tự thủ tục theo quy định của luật công chứng.

Khi có quyết định cuối cùng của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong có hiệu lực " Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" của Chi cục thi hành án dân sự huyện T thì Văn phòng công chứng sẽ thực hiện theo quyết định của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị B trình bày: sau khi có quyết định thi hành án số 1235/QĐ-CCTHA ngày 01/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T thì Chấp hành viên tổ chức xác minh điều kiện thi hành án của bà thì tài sản của bà gồm có: 01 chiếc xe ben số loại Huyndai, biển số 72N-4308, số khung: D8AYP033660, số máy 19YPPU003224 và 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 68,7 m^2 trên diện tích đất 204,63 m^2 tọa lạc tại số 343, thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Thời điểm này đất của bà và ông Đặng Văn C (đã chết) đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 040914 ngày 19/10/2010 nhưng giấy chứng

nhận chưa nhận về vì bà nợ tiền thuế nên không cung cấp thông tin cho Chấp hành viên.

Sau đó Đặng Ngọc Ch con bà đưa tiền cho bà đi nộp thuế để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Lúc chồng bà còn sống vợ chồng bà có nguyện vọng là để lại tài sản là nhà và đất này cho Đặng Ngọc Ch để Ch thờ cúng ông bà cha mẹ nên sau khi nhận giấy chứng nhận về bà làm thủ tục sang tên cho Ch nhưng được hướng dẫn là phải làm thủ tục sang tên cho bà sau đó mới tặng cho Ch.

Ngày 29/6/2016 bà B làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất trên từ của vợ chồng bà B, ông C sang tên riêng bà B

Ngày 30/6/2016 bà lập hợp đồng tặng cho ông Đặng Ngọc Ch quyền sử dụng đất đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận số BD 040914 tại Văn phòng công Nguyễn Công Th (Tên cũ: Văn phòng công chứng T) công chứng số: 1638, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGĐ.

Bà không có ý thức tẩu tán tài sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà D, bà xác định có nợ bà D và phải trả nợ cho bà D thể hiện là bà đã bán xe ben số loại Huyndai thi hành cho bà D số tiền là 120.000.000đ số tiền còn phải thi hành là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) để thi hành cho bà D, bà yêu cầu cho bà trả dần theo điều kiện của bà, hiện tại bà chỉ ở nhà nội trợ không có nghề nghiệp ổn định.

Sau khi bà tặng cho tài sản này cho Ch thì tháng 09/2016 Ch bỏ địa phương đi từ đó đến nay, địa chỉ hiện tại của Ch thì bà không rõ hộ khẩu vẫn ở cùng hộ khẩu với bà. Từ khi tặng cho tài sản này bà vẫn là người quản lý và sử dụng tài sản từ đó đến nay việc quản lý tài sản không có văn bản hay giấy tờ gì của Ch giao cho bà quản lý. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý việc dân sự và giấy triệu tập Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong tống đạt cho Ch và đã liên hệ với Ch để đến Tòa án giải quyết nhưng Ch không đến Tòa cũng như không có ý kiến gì gửi Tòa án.

Bà không đồng ý yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục thi ành án dân sự huyện T là yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong tuyên bố giao dịch tặng cho tài sản giữa bà và ông Ch là vô hiệu.

Bà Phạm Thị Ngọc D trình bày: bà đã nhận được thông báo thụ lý việc dân sự cũng như các thủ tục tố tụng khác của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong thông qua hình thức chuyển phát nhanh, tại Tòa hôm nay bà nộp bản khai cho Tòa án, ý kiến của bà là đồng ý với yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong tuyên bố giao dịch dân sự tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị B và ông Đặng Ngọc Ch vô hiệu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết việc dân sự, cũng như thành phần giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: áp dụng khoản 6, 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 369, 398, 400 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 128,

Điều 129 và Điều 137 Bộ luật dân sự 2005, khoản 2, khoản 3 Điều 75 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần S - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

- Tuyên bố giao dịch dân sự là hợp đồng tặng cho giữa bà Nguyễn Thị B và ông Đặng Ngọc Ch quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 040914, số vào sổ cấp GCN: CH 00112, do UBND huyện T cấp ngày 19/10/2010) công chứng số: 1638, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 30/6/2016 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện của Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: theo đơn yêu cầu ngày 15/3/2019 và tại phiên họp hôm nay ông Trần S chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị B và ông Đặng Ngọc Ch đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Công Th (tên cũ: Văn phòng công chứng T) công chứng số: 1638, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGĐ vô hiệu.

Xét yêu cầu của người yêu cầu ông Trần S là Chấp hành viên - Chi cục thi hành án dân sự huyện T và các lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chứng tỏ rằng đây là việc kiện " Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu" được quy định tại khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án dân sự 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy phong, tỉnh Bình Thuận.

Về sự vắng mặt của đương sự: ông Đặng Ngọc Ch đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai, việc vắng mặt của ông Ch không ảnh hưởng đến việc mở phiên họp nên vẫn tiến hành mở phiên họp.

[2] Về nội dung: Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2016/QĐST-DS ngày 16/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong thì bà Nguyễn Thị B phải hoàn trả cho bà Phạm Thị Ngọc D số tiền 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng), lãi suất chậm thi hành án theo quy định và án phí.

Chi cục thi hành án dân sự huyện T ra Quyết định thi hành án số 1235/QĐ-CCTHA ngày 01/6/2016 và đã tống đạt cho bà B, hết thời gian tự nguyện bà B không thực hiện nghĩa vụ.

Ngày 21/6/2016 Chấp hành viên xác minh điều kiện thi hành án của bà B thì bà Nguyễn Thị B có tài sảm gồm: 01 chiếc xe ben số loại Huyndai, biển số 72N-4308,

số khung: D8AYP033660, số máy 19YPPU003224 và 01 ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 68,7 m^2 trên diện tích đất 204,63 m^2 tọa lạc tại số 343, thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Thời điểm này đất của bà và ông Đặng Văn C (đã chết) được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 040914 ngày 19/10/2010

Ngày 03/5/2018 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T có công văn số: 127/CV-CCTHA gửi các cơ quan có thẩm quyền tạm dừng chuyển nhượng tài sản nêu trên.

Ngày 07/5/2018 Chấp hành viên ra Thông báo số 131/TB-CCTHADS, thông báo cho bà Phạm Thị Ngọc D được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu bà D đã nhận thông báo nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chấp hành viên có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị B và ông Đặng Ngọc Ch đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Công Th (tên cũ: Văn phòng công chứng T) công chứng số: 1638, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 30/6/2016 vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Theo bà B thì bà không có ý thức tẩu tán tài sản để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Dung, bà xác định có nợ bà D và phải trả nợ cho bà D nhưng tại phiên họp bà khai sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất trên từ của vợ chồng bà và ông C sang tên bà nhưng không được vì phải có ý kiến những người thừa kế của ông C về tài sản này nên bà phải thuê nhân viên Văn phòng công chứng ra Nha Tr để lấy ý kiến và chữ ký của mẹ chồng bà. Trên cơ sở văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 25/6/2016 bà đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất trên sang tên bà vào ngày 29/9/2016 và ngày 30/6/2016 bà lập hợp đồng tặng cho ông Đặng Ngọc Ch quyền sử dụng đất đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận số BD 040914 tại Văn phòng công chứng, việc khai này cũng có sự xác nhận của bên nhận ủy quyền Văn phòng Công chứng Nguyễn Công Th mặt khác bà B nhận thức rõ hiện tại bà chỉ có căn nhà là tài sản đủ điều kiện để thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Chứng tỏ việc tặng cho tài sản của bà B là có ý thức nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ thi hành án của bà.

Bà là tặng cho tài sản này cho con Đặng Ngọc Ch mục đích để Ch thờ cúng ông bà và cha mẹ nhưng từ thời điểm tặng cho tài sản, ông Ch không quản lý nên đây chỉ là hợp đồng về mặt hình thức chuyển tên còn nội dung thì không thay đổi thể hiện ở việc bà B là người trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản này từ đó đến nay.

Công chứng viên -Văn Phòng công chứng Nguyễn Công Th, khi thực hiện việc công chứng, không xem xét về người tham gia giao dịch có có phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho người khác hay không là chưa xem xét tính hợp pháp của hợp đồng một cách toàn diện theo quy định của Luật công chứng năm 2014.

[3] Về Căn cứ pháp lý:

Theo khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dân một số điều của Luật Thi hành ám dân sự quy định:*"Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho*

người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án...”

Như vậy, bà B vẫn ý thức được việc tặng cho tài sản là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh thi hành nghĩa vụ trả nợ đối với bà Phạm Thị Ngọc D nhưng vẫn thực hiện, việc các bên giao kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi đã Quyết định của Tòa án và Quyết định thi hành án là vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 128, 129, 137 Bộ luật dân sự 2005. Do vậy yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị B và ông Đặng Ngọc Ch đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Công Th (tên cũ: Văn phòng công chứng T) công chứng số: 1638, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 30/6/2016 vô hiệu là có căn cứ và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Đương sự không phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ:

Khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 371, 372, 400 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 121, Điều 128, Điều 129, 137 Bộ luật dân sự 2005.

Khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự;

Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dân một số điều của Luật Thi hành ám dân sự;

Khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự “yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu” của ông Trần S - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 040914, số vào sổ cấp GCN: CH 00112, do UBND huyện T cấp ngày 19/10/2010) giữa bà Nguyễn Thị B và ông Đặng Ngọc Ch được công chứng số: 1638, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 30/6/2016 là vô hiệu.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Đương sự không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa

án ra quyết định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong 10 ngày kể nhận được quyết định hoặc niêm yết quyết định.

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Thanh Nữ Kiều Oanh